

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN  
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE  
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness

Số/No: 814 /BSG-KTTK  
Giải trình BCTC riêng Quý 3 năm 2024  
Explanation of the separate FS  
of 3<sup>rd</sup> quarter 2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024  
Ho Chi Minh City, October 30 2024

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn  
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation  
Mã chứng khoán : SAB  
Security symbol : SAB  
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM  
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2024 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 3<sup>rd</sup> quarter 2024 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:  
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 09 month period ended 30 Sep		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ/ Percent
	2024	2023		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	28,544,068,329,653	26,974,228,200,308	1,569,840,129,345	6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	28,544,068,329,653	26,974,228,200,308	1,569,840,129,345	6%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	24,341,899,613,264	22,925,368,821,638	1,416,530,791,626	6%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	4,202,168,716,389	4,048,859,378,670	153,309,337,719	4%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	2,679,003,428,711	2,647,563,615,618	31,439,813,093	1%



Handwritten blue mark or signature.

7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	22,213,669,710	50,730,599,165	(28,516,929,455)	-56%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	2,301,559,509,539	2,709,226,284,189	(407,666,774,650)	-15%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	328,895,421,994	300,897,880,564	27,997,541,430	9%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	4,228,503,543,857	3,635,568,230,370	592,935,313,487	16%
11. Thu nhập khác/ Other income	4,061,366,710	4,277,376,070	(216,009,360)	-5%
12. Chi phí khác/ Other expenses	5,523,546,120	12,902,863,613	(7,379,317,493)	-57%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	(1,462,179,410)	(8,625,487,543)	7,163,308,133	-83%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	4,227,041,364,447	3,626,942,742,827	600,098,621,620	17%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	425,857,966,748	351,345,108,703	74,512,858,045	21%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	53,868,211,000	64,085,317,111	(10,217,106,111)	-16%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	3,747,315,186,699	3,211,512,317,013	535,802,869,686	17%

*Giải trình/ Explanation:*

Với việc nền kinh tế được cải thiện trong bối cảnh Nghị định 100 thực thi nghiêm ngặt và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh thu thuần vẫn cao hơn cùng kỳ chủ yếu nhờ tác động tích cực của việc tăng giá. Tương tự, lợi nhuận ròng cũng cao hơn do lợi nhuận gộp cao hơn và chi phí bán hàng thấp hơn, giúp giảm nhẹ một phần thu nhập từ lãi tiền gửi thấp hơn.

*With an improving economy amid ongoing strict implementation of Decree 100 and the intensifying competition, net sales was above LY mainly from the favorable impact of price increases. Similarly, net profit was also higher than LY due to higher gross profit and lower selling expenses that helped partially mitigated the lower interest income.*

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2024 của SABECO.

*The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 3<sup>rd</sup> quarter 2024.*

Trân trọng./.

*Yours Sincerely./.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ *As above*;
- CTHĐQT / *Chairman*;
- Lưu: VT/ *Save at the Office*.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**

**Tan Teck Chuan Lester**



